

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK H ĐAN PHƯƠNG

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐAN PHƯƠNG

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Bơm ăn 50ml	Bơm cho ăn MPV 50ml	cái	4,500
2	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	cái	975
3	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 1ml	cái	680
4	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml	Cái	1,950
5	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3ml	cái	680
6	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml	cái	4,700
7	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	cái	680
8	Dây truyền huyết thanh	Bộ dây truyền dịch ECO sử dụng một lần kim thường	Bộ	4,500
9	Dây truyền máu	Dây truyền máu	Bộ	14,000
10	Kim bướm các số	Kim bướm 23G - 25G	Cái	1,150
11	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần Huanqiu	cái	500
12	Kim chọc dò	Kim chọc dò, gây tê tùy sống SPINOCAN	Cái	27,000
13	Kim luồn các số	SURFLO I.V. Catheter - 18G, 20G, 22G, 24G	Cái	9,600
14	Khóa 3 chạc không dây	Khóa ba chạc	Cái	3,500
15	Kim lấy máu, lấy thuốc tiết trùng các số	Kim tiêm MPV	Cái	400
16	Kim chích máu	Kim chích máu tiết trùng	cái	200
17	Kẹp rốn	Kẹp rốn MPV	Cái	1,500
18	Phim răng	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	Hộp	645,000
19	Phim laser 8x10 inch (20 x 25cm)	Phim X Quang DI-HL 20X25cm	Hộp	2,250,000
20	Phim laser 10 x 12 inch (25 x30cm)	Phim X Quang DI-HL 25X30cm	Hộp	3,500,000
21	Giấy in ảnh siêu âm	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng SM 110S	Cuộn	120,000
22	Giấy điện tim 6 cần	Giấy in điện tim 6 cần tập Nihon Kohden FQW 110-2-140 (NK 110140/143S)	Tập	33,000
23	Giấy điện tim 112x90x300p	Giấy điện tim Ken-Cardico 302 (sọc đỏ)	Tập	65,000
24	Găng tay sản khoa các cỡ	Găng sản khoa đã tiết trùng	Đôi	13,000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
25	Găng tay khám ngắn	Găng khám	Đôi	2,400
26	Găng tay mổ tiết trùng	Găng phẫu thuật tiết trùng	Đôi	5,500
27	Bao cao su	Bao cao su	Cái	800
28	Băng keo thử nhiệt độ hấp ướt	Sterim steam sterilization indicator tape	cuộn	100,000
29	Băng keo thử nhiệt sấy khô	Dry Heat Indicator Tape	Cuộn	530,000
30	Băng chun trẻ em (băng rón)	Băng rón 7cm x 10cm (tiệt trùng)	Miếng	2,000
31	Băng xô y tế 5cmx2,5m	Băng cuộn 5cm x 2,5m	Cuộn	680
32	Băng xô y tế 10cmx5m	Băng cuộn 10cm x 5m	Cuộn	2,200
33	Băng dính lụa 5m x 2,5cm	Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Cuộn	23,000
34	Bông hút (thấm nước)	Bông y tế thấm nước	Kg	168,000
35	Bột bó liền 10cmx 4,6m	Bột bó OBANDA 10cm x 4,6m	Cuộn	19,000
36	Bột bó liền 7,5cmx3,6cm	Bột bó OBANDA 7,5cm x 3,6m	Cuộn	15,000
37	Bột bó liền 15cmx4,6cm	Bột bó OBANDA 15cm x 4,6m	Cuộn	24,000
38	Bột bó thủy tinh 7,5cm x 3,6m	Băng cố định (7.5cmX3.6m)	cuộn	70,000
39	Bột bó thủy tinh 12,5cm x 3,6m	Băng cố định (12.5cmX3.6m)	cuộn	110,000
40	Gạc cầu 1 lớp vô trùng	Gạc cầu đa khoa Fi30 x 1 lớp vô trùng	Cái	350
41	Gạc hút y tế	Gạc hút y tế khổ 0,8m	Mét	3,500
42	Gạc phẫu thuật 10 x 10 x8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Miếng	780
43	Gạc mổ vô trùng 30x40cmx6lớp	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng	Miếng	4,600
44	Băng vô trùng cố định catheter 53 x 80mm	Optiskin Film 53mm x 80mm	Miếng	6,000
45	Băng keo có gạc vô trùng 100mm x 70mm	Urgosterile 100mm x 70mm	Miếng	4,700
46	Tất lót	Tất lót 10cmX10m	cuộn	140,000
47	Miếng cầm máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu SURGICEL 10cm x 20cm	Miếng	420,000
48	Bộ rửa dạ dày	Bộ rửa dạ dày	Bộ	105,000
49	Bầu xông họng bằng nhựa	Bầu xông khí dung (mũi, họng)	Cái	35,000
50	Canuyn Mayo	Ống thông đường thở	Cái	4,400
51	Canuyn mở khí quản	Ống mở khí quản	Cái	78,000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
52	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO V 720	Bộ	750,000
53	Cathete tĩnh mạch trung tâm	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX MONO S 420	Bộ	380,000
54	Catheter gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê ngoài màng cứng PERIFIX COMPLETE SET	Bộ	260,000
55	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối truyền dịch 150cm	Cái	9,000
56	Đầu côn vàng loại A	Đầu côn vàng 200ul	Cái	40
57	Đầu côn xanh (to)	Đầu côn xanh 1000ul	Cái	60
58	Dây thở oxy gọng kính người lớn, trẻ em	Dây thở oxy MPV	cái	5,200
59	Dây garo	Dây garo	Cái	2,500
60	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ	Cái	1,000
61	Đè lưỡi gỗ	Que đè lưỡi gỗ Hoàng Sơn	Cái	250
62	Cóng đựng bệnh phẩm có nắp	LỌ BỆNH PHẨM (LỌ NHỰA DÙNG ĐỂ ĐỰNG MẪU BỆNH PHẨM)	cái	1,150
63	Cóng nhựa đựng bệnh phẩm không nắp	Cóng nhựa đựng bệnh phẩm không nắp	Cái	1,300
64	Cực điện dán	Điện cực dán điện tim F601	chiếc	1,680
65	Mask thở Oxy người lớn, trẻ em	Mặt nạ thở ô xy có túi Kyoling	Chiếc	18,000
66	Mũ giấy phẫu thuật (nữ)	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	1,000
67	Bộ Đo, theo dõi huyết áp xâm lấn	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường (DTX Plus PMSET 1DT-XX)	Cái	350,000
68	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	20,000
69	Ống nội khí quản các số	Nội khí quản có bóng chèn Kyoling	Cái	16,000
70	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp vô trùng	Cái	1,000
71	Sonde JJ số 7, 6	Ống thông JJ (Phủ hydrophilic)	Cái	310,000
72	Sonde Foley 2 chạc các số	Ống thông đường tiểu foley 2 nhánh các số người lớn 12-24Fr	cái	16,000
73	Sonde Foley 3 chạc các số	Ống thông đường tiểu foley 3 nhánh các số	Cái	40,000
74	Git vàng	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (Zebra)	Cái	3,000,000
75	Git xanh	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (PTFE)	Cái	300,000
76	Dây hút nhót các số	Dây hút nhót	Cái	3,800
77	Sonde tiểu nelaton	Ống thông Nelaton	cái	5,000
78	Sonde dẫn lưu khí màng phổi	Dây dẫn lưu màng phổi có nòng	Dây	110,000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
79	Sonde dạ dày	Ống thông dạ dày MPV	cái	3,500
80	Sonde hậu môn	Ống thông hậu môn MPV	Chiếc	3,300
81	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Ống thông dẫn lưu ổ bụng	Cái	9,700
82	Túi nước tiểu	Túi đựng nước tiểu MPV	Cái	5,500
83	Túi Camera	Túi camera tiết trùng	Túi	8,000
84	Tấm trải Nilon	Tấm trải nylon vô trùng	Cái	8,000
85	Valon oxy	Balon Oxy	Cái	130,000
86	Mask khí dung trẻ em	Mặt nạ xông khí dung Kyoling	Cái	20,000
87	Pipet nhựa	Ống nhỏ giọt 3ml	Chiếc	370
88	Túi chườm	Chườm lạnh cao su	Chiếc	48,000
89	Vòng đeo tay mẹ và bé	Băng cổ tay ghi tên bệnh nhân Greetmed	Cặp	2,000
90	Ống hút thai loại A	Ống hút thai	Chiếc	39,000
91	Giấy in monitor sản khoa	Giấy monitor sản khoa Bionics BFM-900	Cuộn	45,000
92	Lam kính	Lam kính hiển vi, trong suốt, đóng gói 72 chiếc/hộp	Chiếc	19,000
93	Lamen 22 x22 mm	Lamen 22x22mm	Hộp	48,000
94	Đĩa Petri phi 10	Đĩa Petri 1 ngăn, kích thước 90*15mm	Cái	1,920
95	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai Pregna +Teu 380A	Cái	22,000
96	Phin lọc ấm	Filter lọc khuẩn làm ấm làm ấm	Cái	28,000
97	Rọ lấy sỏi	Rọ bắt sỏi	Cái	3,500,000
98	Tấm bông vô khuẩn cán cứng	Tấm bông lấy mẫu tiết trùng, que nhựa	Cái	1,300
99	Dụng cụ (máy) cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo hoặc tương đương	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	Cái	6,000,000
100	Tấm lưới Prolen 6*11cm	Lưới (Màng nâng) dùng trong điều trị thoát vị, vá thành bụng	Bộ	420,000
101	Lưới Prolen 10*15cm	Lưới (Màng nâng) dùng trong điều trị thoát vị, vá thành bụng	Bộ	630,000
102	Bơm truyền dịch tự động có PCA (dùng một lần) (Bóng giảm đau)	Disposable Infusion Pump	Bộ	420,000
103	Chỉ liên kim Cromix các số	Chỉ Chromic Catgut	sợi	15,000
104	Chỉ liên kim Nylon các số	Chỉ Nylon	sợi	11,666
105	Chỉ nylon 6/0	Chỉ Carelon 6/0	sợi	33,500

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
106	Chỉ nylon 7/0	Chỉ Carelon 7/0	Sợi	54,000
107	Chỉ Nylon 10/0 (Chỉ mắt)	Chỉ Carelon 10/0	Sợi	110,000
108	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene hoặc tương đương 5/0	Chỉ Trustilene số 5/0	Sợi	65,100
109	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene hoặc tương đương số 0	Chỉ Trustilene số 0	Sợi	54,600
110	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene hoặc tương đương số 2/0	Chỉ Trustilene số 2/0	Sợi	65,100
111	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene hoặc tương đương số 3/0	Chỉ Trustilene số 3/0	Sợi	57,750
112	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương có kháng khuẩn số 1	Chỉ Caresorb Plus số 1	Sợi	68,500
113	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 91 hoặc tương đương 0 có kháng khuẩn 2/0	Chỉ Caresorb Plus số 2/0	Sợi	65,100
114	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương có kháng khuẩn số 3/0	Chỉ Caresorb Plus số 3/0	Sợi	60,800
115	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương có kháng khuẩn số 4/0	Chỉ Caresorb Plus số 4/0	Sợi	65,100
116	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin hoặc tương đương số 5/0	Chỉ Caresorb số 5/0	sợi	55,000
117	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 hoặc tương đương tiêu nhanh 2/0	Chỉ Caresorb Rapid số 2/0	Sợi	60,000
118	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 hoặc tương đương tiêu nhanh số 3/0	Chỉ Caresorb Rapid số 3/0	Sợi	71,000
119	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin số 6/0 hoặc tương đương	Chỉ Caresorb số 6/0	Sợi	65,000
120	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 hoặc tương đương tiêu nhanh số 4/0	Chỉ Caresorb Rapid số 4/0	Sợi	78,000
121	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 hoặc tương đương tiêu nhanh số 5/0	Chỉ Caresorb Rapid số 6/0	Sợi	80,000
122	Bộ nẹp ngoài đầu trên xương chày 8 lỗ (gồm 1 nẹp , 6 vít xương cứng 4.5mm và 2 vít xoắn)	Bộ nẹp ngoài đầu trên xương chày 8 lỗ (gồm 1 nẹp , 6 vít xương cứng 4.5mm và 2 vít xoắn)	Bộ	2,510,000
123	Bộ nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 8 (gồm 1 nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 8 vít xoắn)	Bộ nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 8 (gồm 1 nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 8 vít xoắn)	Bộ	3,329,000
124	Bộ nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 10 (gồm 1 nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 10 vít xoắn)	Bộ nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 10 (gồm 1 nẹp đầu trên/ đầu dưới xương đùi, 10 vít xoắn)	Bộ	3,519,000
125	Bộ nẹp bán hẹp 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít xương cứng 4.5mm)	Bộ nẹp bán hẹp 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít xương cứng 4.5mm)	Bộ	1,254,000
126	Bộ nẹp mắt xích 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít xương cứng 3.5mm)	Bộ nẹp mắt xích 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít xương cứng 3.5mm)	Bộ	1,086,000
127	Bộ nẹp lòng máng 1/3 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ nẹp lòng máng 1/3 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ	994,000
128	Bộ nẹp mắt xích 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít xương cứng 3.5mm)	Bộ nẹp mắt xích 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít xương cứng 3.5mm)	Bộ	924,000
129	Bộ nẹp bán vừa cho xương cánh tay 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít 3.5mm)	Bộ nẹp bán vừa cho xương cánh tay 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít 3.5mm)	Bộ	126,000
130	Bộ nẹp bán nhỏ cho xương cẳng tay 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ nẹp bán nhỏ cho xương cẳng tay 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ	1,231,000
131	Bộ nẹp bán nhỏ cho xương cẳng tay 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít cứng 3.5mm)	Bộ nẹp bán nhỏ cho xương cẳng tay 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít cứng 3.5mm)	Bộ	1,069,000
132	Đinh Kirsner (Các số)	Đinh Kirsner (Các số)	Bộ	67,000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
133	Chỉ thép không liền kim	Chỉ thép không liền kim	Cuộn	117,000
134	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi (gồm 1 nẹp và 10 vít khóa 5.0mm)	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi (gồm 1 nẹp và 10 vít khóa 5.0mm)	Bộ	7,178,000
135	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 3.5mm)	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 3.5mm)	Bộ	5,224,000
136	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 5.0mm)	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 5.0mm)	Bộ	6,620,000
137	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 5.0mm)	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày (gồm 1 nẹp và 8 vít khóa 5.0mm)	Bộ	6,240,000
138	Bộ nẹp xương bàn tay chữ L 2-7 lỗ (bộ gồm 1 nẹp và 4 vít)	Bộ nẹp xương bàn tay chữ L 2-7 lỗ (bộ gồm 1 nẹp và 4 vít)	Bộ	680,000